

Bản án số: **13** /2017/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 3 năm 2017
V/v: “ *Hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA – TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Lệ Thanh**

-Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phùng Văn Thi**

2. Bà **Ma Thị Lưu**

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Khắc Bằng – KSV.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoài Linh** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba

Hôm nay, ngày 22 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2017 về việc tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N** - sinh năm 1982(có mặt)

ĐKHKT: Khu 13 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi cư trú: Khu 1 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Chế L** - sinh năm 1985(vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 13 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang cải tạo tại: Đội 27 phân trại số 3, trại giam T, Bộ Công An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:**

Chị và anh Nguyễn Chế L kết hôn với nhau ngày 30 tháng 5 năm 2013, có tự nguyện tìm hiểu và đã được UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng với gia đình nhà anh L tại khu 13 xã Đ. Tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc khoảng hai năm sau khi kết hôn. Từ đầu năm 2015 vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L nghiện ma túy, chơi bời, quan hệ nam nữ không lành mạnh. Đã nhiều lần chị nói chuyện, thuyết phục, động viên anh L nhưng anh L không thừa nhận và đánh chửi chị. Tháng 11 năm 2015 anh L bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử 14 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, và đang cải tạo tại trại giam T – Bộ Công An. Kể từ đó chị và con gái đã về xã Đ - quê chị sinh sống. Việc mâu thuẫn của vợ chồng chị chưa được chính quyền địa phương hòa giải. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không có tương lai, chị xin được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Chế L có một con chung là Nguyễn Phương T - sinh ngày 03/03/2013, hiện cháu vẫn đang ở cùng với chị. Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, và tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức, đất ruộng: Chị và anh L không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/02/2017 anh Nguyễn Chế L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N kết hôn năm 2013, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện T. Trong cuộc sống vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn. Tuy nhiên hiện tại anh đang chấp hành án phạt tù, chị N xin ly hôn anh cũng đồng ý. Vợ chồng anh có một con chung là Nguyễn Phương T - sinh ngày 03/03/2013, hiện cháu vẫn đang ở cùng với chị N. Khi ly hôn anh đề nghị để chị N trực tiếp nuôi con và anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng anh không có tài sản chung, không nợ chung, chị N không có công sức khi làm dâu gia đình anh nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang cải tạo nên anh đề nghị không tham gia phiên hòa giải và phiên xét xử tại Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, của các bên đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:** Anh Nguyễn Chế L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án giao các văn bản như: thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử. Nhưng do anh L hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam T, Bộ Công an nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh L và anh Nguyễn Chế L đã có lời khai xin được vắng mặt tại phiên xét xử. Vì thế vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt anh Nguyễn Chế L là hoàn toàn phù hợp khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba cũng khẳng định việc tuân theo pháp luật trong hoạt động tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, của các bên đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Chế L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của Pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh L là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật. Trong quá trình anh chị chung sống với nhau được vài năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N trình bày là do anh L nghiện ma túy, chơi bời, quan hệ nam nữ không lành mạnh. Đã nhiều lần chị nói chuyện, thuyết phục, động viên anh L nhưng anh L không thừa nhận và đánh chửi chị. Tháng 11 năm 2015 anh L bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử 14 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, và đang cải tạo tại trại giam T - Bộ Công an. Anh L không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh L là người nghiện ma túy và đã liên tục mua bán ma túy từ tháng 1/2015 để kiếm lời và sử dụng cho bản thân. Chị N khai anh L nghiện ma túy và đã động viên khuyên giải nhiều lần nhưng anh L không thừa nhận và còn xô xát với chị. Vì thế lời khai của anh L về việc vợ chồng không mâu thuẫn là không phù hợp. Anh L đã vì những ham muốn của bản thân bất chấp hậu quả, không chăm lo cho gia đình và đã bị phạt tù. Từ những nhận định nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định rằng: Mâu thuẫn giữa chị N và anh L là có do anh L nghiện ma túy. Mâu thuẫn đó trở nên trầm trọng khi anh L bị bắt đi cải tạo do phạm tội. Cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N xin ly hôn và anh L đồng ý, vì thế nên xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

*** Về con chung:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Chế L. đều xác nhận, vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Phương T - sinh ngày 03/03/2013, hiện cháu vẫn đang ở cùng với chị N. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Bản thân anh L cũng đồng ý để chị N trực tiếp nuôi cháu T và anh không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh đang đi cải tạo. Nguyện vọng của chị N và anh L là hoàn toàn chính đáng nên công nhận sự thỏa thuận này của chị N và anh L để chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N là phù hợp.

*** Về tài sản chung, công nợ, công sức, đất ruộng:** Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Chế L đều xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết vì thế HĐXX cần chấp nhận là phù hợp.

*** Về án phí:** Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

*** Xử:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Chế L.

*** Về con chung:** Xử: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Chế L: chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phương T - sinh ngày 03/03/2013. Anh Nguyễn Chế L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

*** Về tài sản chung, công nợ chung, công sức và đất ruộng:** Không có.

*** Về án phí:** Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp 200.000.đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2015/0003764 ngày 06/01/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Chị Nguyễn Thị N còn phải nộp 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh, huyện
- THADS huyện
- UBND xã Đ
- Các đương sự
- Lưu HS,VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Thanh